

# HỌC TIẾNG ANH TRỰC TUYẾN: PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC HIỆU QUẢ CHO GIÁNG VIÊN VÀ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG

Nguyễn Trung Ngôn

Trường Đại học Tiền Giang

Email: nguyentrungngon@tgu.edu.vn.

**Tóm tắt:** Tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức của hơn 68 quốc gia và được hơn một tỷ người sử dụng như ngôn ngữ thứ hai. Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ chung và được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như giao tiếp, giáo dục và việc làm. Ở Việt Nam, tiếng Anh được đưa vào giảng dạy từ sớm với mục tiêu giúp thế hệ trẻ có đủ kiến thức và kỹ năng để hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, trên thực tế, việc học tiếng Anh theo phương pháp truyền thống vẫn còn nhiều hạn chế. Điều này khiến không ít sinh viên cảm thấy nhàm chán và thiếu động lực học tập. Trước thực trạng đó, học tiếng Anh trực tuyến đã và đang trở thành một hướng đi mới, phù hợp với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu học tập hiện đại. Hình thức học này mang lại nhiều lợi ích như nội dung học phong phú, thời gian học linh hoạt, chi phí hợp lý và giúp người học chủ động hơn trong quá trình tiếp thu kiến thức. Bài viết này tập trung trình bày những lợi ích nổi bật của việc học tiếng Anh qua Internet, qua đó làm rõ vai trò của phương pháp này trong việc nâng cao hiệu quả học tập tiếng Anh cho sinh viên hiện nay.

**Từ khóa:** Tiếng Anh, học Tiếng Anh trực tuyến, công nghệ thông tin, hội nhập quốc tế, sinh viên Việt Nam.

**Nhận bài:** 05/01/2026; **Biên tập:** 06/01/2026; **Phản biện:** 12/01/2026; **Duyệt đăng:** 19/01/2026.

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0, thị trường E-learning toàn cầu không chỉ là một xu hướng nhất thời mà đã trở thành nền tảng giáo dục chủ đạo. Các báo cáo gần đây cho thấy thị trường học trực tuyến tự định hướng đạt giá trị hàng chục tỷ USD, tạo tiền đề cho việc cá nhân hóa lộ trình học tiếng Anh.

Tại Việt Nam, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục”, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các trường đại học triển khai giảng dạy trực tuyến. Đối với Trường Đại học Tiền Giang, một cơ sở đào tạo trọng điểm tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, việc ứng dụng CNTT vào dạy học tiếng Anh không chỉ giúp sinh viên bắt kịp trình độ khu vực mà còn giải quyết bài toán thiếu hụt môi trường giao tiếp bản ngữ tại địa phương.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết: Tại sao học trực tuyến lại hiệu quả?

Nhiều người lầm tưởng học trực tuyến chỉ là việc “bê” nguyên cuốn sách lên màn hình máy tính. Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học ngôn ngữ, hình thức này thực sự mô phỏng cách bộ não chúng ta tiếp nhận một ngoại ngữ mới một cách tự nhiên nhất.

#### 2.1.1. Giả thuyết “Đầu vào” và “Đầu ra”: nạp và vận hành ngôn ngữ

Hãy tưởng tượng việc học tiếng Anh giống như việc bạn đang chăm sóc một cái cây: bạn cần tưới nước (nạp kiến thức) và để cây vươn cành lá (thực hành) thì cây mới phát triển khỏe mạnh được. Cụ thể:

- Nạp kiến thức - Giả thuyết Đầu vào (Input

Hypothesis): Giáo sư Stephen Krashen (1985) đã đưa ra một nguyên lý rất thú vị: Chúng ta chỉ thực sự “thấm” tiếng Anh khi được tiếp xúc với những nội dung mà mình có thể hiểu được, nhưng phải khó hơn trình độ hiện tại một chút (ông gọi là công thức  $i+1$ ). Nếu bạn chỉ học những gì quá dễ, bạn sẽ đứng yên tại chỗ; nhưng nếu học cái quá khó, bạn sẽ sớm bỏ cuộc vì nản. Internet chính là một “kho tài nguyên” khổng lồ cho phép sinh viên chủ động tìm thêm kiến thức cho mình. Thay vì những bài đọc khô khan trong sách, các em có thể xem một đoạn video ngắn về chủ đề mình thích trên YouTube hay TikTok. Khi bộ não cảm thấy thú vị và hiểu được nội dung, tiếng Anh sẽ tự động “chui vào đầu” một cách tự nhiên nhất.

- Thực hành - Giả thuyết Đầu ra (Output Hypothesis): Tuy nhiên, nếu chỉ “nạp” mà không “dùng” thì kiến thức sẽ mãi là kiến thức chết. Nhà nghiên cứu Merrill Swain (1985) đã chỉ ra rằng: chỉ khi chúng ta bắt đầu nói hoặc viết ra, chúng ta mới thực sự nhận ra mình đang bị “hổng” chỗ nào. Khi sinh viên cố gắng diễn đạt một ý tưởng bằng tiếng Anh trên các diễn đàn học tập trực tuyến hay trao đổi với giảng viên qua Zoom, các em buộc phải động não để sắp xếp từ vựng và ngữ pháp. Chính lúc “vấp vấp” này, bộ não mới kích hoạt chế độ sửa lỗi và ghi nhớ sâu hơn. Trong môi trường học trực tuyến, việc thực hành “đầu ra” trở nên ít áp lực hơn rất nhiều. Việc nhắn tin cho một người bạn nước ngoài hay trò chuyện với chatbot AI giúp sinh viên gỡ bỏ rào cản sợ sai, từ đó rèn luyện phản xạ ngôn ngữ nhanh nhạy hơn.

Cả hai quá trình này tạo nên sự kết hợp hoàn hảo. Trong học tập trực tuyến, hai quá trình diễn ra đan xen và liên tục. Sinh viên vừa xem một đoạn clip ngắn (Input), sau đó có thể tham gia thảo luận

ngay dưới phần bình luận hoặc trả lời câu hỏi tương tác (Output). Chính vòng lặp “Nạp - Dùng - Sửa lỗi” này là chìa khóa giúp việc học tiếng Anh trở nên hiệu quả và không còn là gánh nặng.

### 2.1.2. Tương tác và sự chú ý: “Va chạm ngôn ngữ” - chìa khóa để ghi nhớ

Tại sao chúng ta thường nhớ từ vựng lâu hơn khi xem một bộ phim hay trò chuyện với người khác? Theo nghiên cứu, điều này được giải thích qua hai yếu tố:

- Thương lượng ý nghĩa: Khi cố gắng giải thích một ý tưởng cho ai đó nhưng họ không hiểu, chúng ta có xu hướng dùng ngôn ngữ cơ thể hoặc chọn từ ngữ khác đơn giản hơn. Các nhà nghiên cứu Long (1996) và Pica (1994) gọi đây là quá trình “Thương lượng ý nghĩa”. Trong môi trường trực tuyến, khi sinh viên tham gia thảo luận nhóm qua Zoom hay chat với bạn bè quốc tế, các em không chỉ học từ vựng mà còn học cách “xoay xở” với ngôn ngữ. Quá trình này giúp từ vựng khắc sâu vào trí nhớ hơn là việc học thuộc lòng danh sách từ vựng đơn thuần.

- Kích thích sự chú ý: Schmidt (1993) khẳng định chúng ta không thể giỏi tiếng Anh nếu cứ để nó “trôi tuột” qua tai. Ông nhấn mạnh rằng người học chỉ tiến bộ khi họ thực sự “chú ý” (noticing) đến một cấu trúc ngôn ngữ nào đó. Các nền tảng học trực tuyến hiện nay cực kỳ giỏi trong việc thu hút sự chú ý bằng cách sắp xếp bố cục trang web rất thông minh. Màu sắc, âm thanh và các công cụ ghi chú trực tiếp đều được thiết kế có chủ đích, giúp sinh viên dễ dàng nhận diện và tập trung vào những điểm ngữ pháp quan trọng ngay trong lúc học.

### 2.1.3. Sự giao tiếp qua máy tính (CMC)

Môi trường giao tiếp qua máy tính (CMC) đóng vai trò như một “vùng an toàn” về mặt tâm lý, giúp sinh viên, đặc biệt là những bạn hướng nội, bớt áp lực và tự tin hơn khi thực hành tiếng Anh. Vì không phải trả lời câu hỏi của giảng viên hay phát biểu trực tiếp trước đám đông, các em có thể thoải mái thử nghiệm câu từ, không sợ bị sai, từ đó hình thành phản xạ tự nhiên. Chính nhờ ưu thế vượt trội này, việc chủ động tìm kiếm và lựa chọn cho mình một khóa học tiếng Anh trực tuyến phù hợp trở thành bước đi quan trọng, giúp mỗi người tận dụng tối đa những lợi ích từ Internet để nâng cao trình độ cho bản thân và cộng đồng.

## 2.2. Thực trạng giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Tiền Giang

Trước khi các nền tảng học tập trực tuyến và hệ thống quản lý học tập (LMS) được triển khai rộng rãi, hoạt động dạy và học tiếng Anh tại Trường Đại học Tiền Giang chủ yếu vận hành theo mô hình lớp học tập trung truyền thống. Qua quan sát và đánh giá thực tế, mô hình này đã bộc lộ những hạn chế khách quan, tạo ra những rào cản không nhỏ cho cả giảng viên và sinh viên:

- Áp lực thời gian và chuyên ngành: Sinh viên

các ngành Kỹ thuật, Công nghệ và Nông nghiệp phải dành phần lớn thời gian thực hành tại xưởng và trang trại. Việc buộc phải có mặt đúng giờ tại các lớp tiếng Anh cố định gây tình trạng “quá tải”, khiến các em dễ nảy sinh tâm lý học đối phó hoặc bỏ tiết khi trùng lịch thực địa.

- Học liệu đơn điệu, thụ động: Nguồn kiến thức chủ yếu chỉ nằm trong giáo trình giấy và bài giảng trên bảng. Thiếu công cụ đa phương tiện làm tiết học trở nên khô khan; sinh viên chủ yếu ghi chép ngữ pháp và giải bài tập, biến ngoại ngữ thành một môn học thuộc lòng thay vì là công cụ giao tiếp.

- Thiếu môi trường thực hành thực tế: Do vị trí địa lý, Tiền Giang không phải là trung tâm du lịch quốc tế, khiến sinh viên ít có cơ hội tiếp xúc với người bản ngữ. Tiếng Anh chỉ tồn tại trong “bốn bức tường lớp học”, dẫn đến kỹ năng phản xạ kém và tâm lý e ngại khi giao tiếp thực tế.

- Động lực thấp do tư duy “môn phụ”: Sinh viên khối kỹ thuật thường coi tiếng Anh chỉ là điều kiện để tốt nghiệp. Theo Nguyễn Ngọc Vũ (2021), việc học thiếu tính ứng dụng nghề nghiệp và thiếu tương tác hiện đại khiến người học nhàm chán, không thấy được tầm quan trọng của ngoại ngữ đối với cơ hội việc làm tương lai.

## 2.3. Lợi ích của việc học tiếng Anh trực tuyến đối với sinh viên Trường Đại học Tiền Giang

### 2.3.1. Đưa thế giới thực vào bài học

Thay vì chỉ xoay quanh những trang sách giáo khoa cố định đôi khi đã chậm so với xu thế hiện tại, học trực tuyến mở ra một cánh cửa mang cả thế giới thực vào màn hình máy tính của sinh viên.

*Một là*, học từ cuộc sống: Giảng viên Trường Đại học Tiền Giang giờ đây có thể biến tiết học thành một buổi trải nghiệm thú vị. Thay vì đọc một bài luận dài về kinh tế, sinh viên có thể xem một đoạn tin tức ngắn trên BBC Learning English, xem phim có phụ đề để học cách người bản ngữ dùng từ, hoặc thảo luận về một bài báo chuyên ngành vừa mới xuất bản sáng nay.

*Hai là*, học mà chơi: Việc tích hợp các trò chơi ngôn ngữ trực tuyến giúp xóa tan sự gò bó của lớp học truyền thống. Hình ảnh sắc nét, âm thanh sống động giúp bộ não sinh viên “bắt sóng” ngôn ngữ nhanh hơn và ghi nhớ lâu hơn. Theo nghiên cứu của Carol A. Chapelle (2003), chính môi trường đa phương tiện này đã tạo ra sự kích thích thị giác và thính giác, giúp việc học ngoại ngữ không còn là gánh nặng mà trở thành một niềm vui khám phá.

### 2.3.2. Tính linh hoạt và tiết kiệm

Học trực tuyến đặc biệt phù hợp với sinh viên ở xa trung tâm thành phố nhờ ba yếu tố cốt lõi sau:

- Chủ động hơn về thời gian. Với lịch học chuyên ngành dày đặc tại trường, việc phải di chuyển đến các trung tâm ngoại ngữ hoặc tham gia tiết học ngoại ngữ vào giờ cố định thường là một thử thách lớn. Học trực tuyến cho phép sinh viên xóa bỏ rào

cần này; các em có thể học vào bất kỳ lúc nào rảnh rỗi và dễ dàng quay lại bài học nếu bị gián đoạn. Khác với lớp học truyền thống - nơi chỉ cần vắng mặt một buổi là mất kiến thức, hình thức này đảm bảo lộ trình học tập luôn được duy trì liên tục và xuyên suốt.

- Tiết kiệm chi phí và nguồn lực. Hình thức này giúp sinh viên giảm bớt gánh nặng tài chính đáng kể thông qua việc cắt giảm chi phí đi lại, xăng xe và phí gửi xe. Đặc biệt, thay vì phải đầu tư nhiều vào giáo trình giấy đắt đỏ, sinh viên có thể tiếp cận kho tài liệu số khổng lồ và hoàn toàn miễn phí trên Internet. Khả năng tra cứu và tổng hợp thông tin nhanh chóng từ nhiều nguồn khác nhau không chỉ tiết kiệm tiền bạc mà còn nâng cao hiệu suất học tập.

- Lộ trình cá nhân hóa theo năng lực. Một điểm cộng vượt trội là các nền tảng hiện nay đều tích hợp bài kiểm tra đầu vào tự động. Chỉ sau vài phút, sinh viên sẽ biết chính xác trình độ của mình theo khung chuẩn quốc tế CEFR (như A2, B1 hay B2). Dựa trên kết quả đó, các em có quyền tự chọn giảng viên, phương pháp và điều chỉnh tốc độ học nhanh hay chậm tùy theo khả năng. Điều này giúp loại bỏ hoàn toàn tâm lý lo lắng vì “không theo kịp bạn bè” thường thấy trong các lớp học truyền thống đông đúc.

#### 2.4. Sự đa dạng trong nội dung giảng dạy - học tập

Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, việc học tiếng Anh đã thoát khỏi sự gò bó của những trang sách giáo khoa truyền thống để bước vào một không gian học tập sinh động, đa chiều và đầy cảm hứng. Khi truy cập các nền tảng học trực tuyến, sinh viên Trường Đại học Tiền Giang được tiếp cận với một “kho tiện ích tổng hợp” bao gồm:

- Học liệu đa phương tiện: Thay vì chỉ đọc văn bản, người học tương tác với các video thực tế, phim có phụ đề và bài viết chuyên đề được trình bày trực quan. Mỗi chủ đề đều đi kèm với các nhận xét từ cộng đồng và đánh giá từ giảng viên, giúp việc tiếp thu kiến thức trở nên dễ dàng và thực tế hơn.

- Học thông qua giải trí: Các trò chơi ngôn ngữ (Educational Games) được thiết kế tinh tế giúp giảm căng thẳng, tăng khả năng ghi nhớ từ vựng qua hình ảnh và âm thanh sống động. Sự tương tác cao trong các trò chơi này tạo ra hứng thú tự nhiên, thúc đẩy động lực học tập tự thân của sinh viên.

- Kết nối toàn cầu: Internet xóa bỏ biên giới, mở ra cơ hội để sinh viên trò chuyện trực tiếp với bạn bè quốc tế. Việc tham gia các nhóm thảo luận về âm nhạc, kinh tế hay chính trị giúp các em vượt qua rào cản tâm lý sợ sai, từ đó nâng cao kỹ năng giao tiếp và phản xạ ngôn ngữ trong môi trường thực tế.

Tuy nhiên, việc sở hữu một “kho nguyên liệu” phong phú trên mạng là chưa đủ. Nếu không có sự định hướng, sinh viên dễ bị lạc lối giữa biển thông tin khổng lồ hoặc học tập một cách rời rạc. Đây chính là lúc vai trò của người thầy cần được thay đổi. Để biến những tài nguyên số này thành kết

quả học tập thực tế, giảng viên cần đóng vai trò là “người đầu tàu”, chuyển dịch từ phương pháp dạy học thụ động sang những mô hình quản lý lớp học hiện đại và linh hoạt hơn.

#### 2.5. Phương pháp dạy học hiệu quả cho giảng viên trong kỷ nguyên số

Trong môi trường trực tuyến, giảng viên không còn là nguồn cung cấp kiến thức duy nhất mà chuyển sang vai trò người điều phối (Facilitator) - người hướng dẫn sinh viên cách tự học và tư duy. Các phương pháp tiêu biểu bao gồm:

*Một là*, mô hình Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom). Đây là sự thay đổi mang tính đột phá trong tư duy sư phạm. Thay vì nghe giảng trên lớp và làm bài tập ở nhà, giảng viên sẽ cung cấp bài giảng video, tài liệu đọc và học liệu số trước qua hệ thống LMS (Learning Management System). Theo Nguyễn Ngọc Vũ (2021), việc đẩy phần lý thuyết ra ngoài giờ học giúp dành trọn thời gian quý giá trên lớp cho các hoạt động tương tác cao như thảo luận nhóm, đóng vai giải quyết tình huống và thực hành giao tiếp sâu. Cách làm này không chỉ giúp sinh viên chủ động làm chủ kiến thức từ trước mà còn giúp giảng viên có điều kiện theo sát, hỗ trợ từng cá nhân theo năng lực thực tế.

*Hai là*, trò chơi hóa học tập (Gamification). Trong môi trường học tập trực tuyến, việc duy trì sự tập trung của sinh viên là một thách thức lớn đối với giảng viên. Trò chơi hóa (Gamification) không đơn thuần là cho sinh viên chơi game, mà là việc ứng dụng các yếu tố của trò chơi (như điểm số, bảng xếp hạng, huy hiệu) vào hoạt động học thuật để kích thích tâm lý chinh phục của người học. Điều này mang lại những lợi ích tức thì:

- Tạo ra những cuộc đua kiến thức: Thay vì những bài kiểm tra từ vựng hay ngữ pháp khô khan trên giấy, giảng viên Trường Đại học Tiền Giang có thể tận dụng các nền tảng như Kahoot!, Quizizz hoặc Wordwall. Những công cụ này cho phép thiết kế bài học dưới dạng các cuộc đua gay cấn về thời gian và độ chính xác. Sinh viên không còn cảm thấy bị “kiểm tra”, mà họ đang tham gia vào một đấu trường tri thức thực sự.

- Phản hồi tức thì và sự cạnh tranh lành mạnh: Việc biến các con số khô khan thành điểm số cạnh tranh trên bảng xếp hạng thời gian thực (Leaderboard) tạo ra sự phấn khích và kích thích tinh thần tự học. Theo Nguyễn Ngọc Vũ (2021), yếu tố tương tác và phản hồi ngay lập tức trong trò chơi giúp người học khắc sâu kiến thức và giảm bớt rào cản lo âu khi mắc lỗi.

- Công cụ đánh giá hiệu quả cho giảng viên: Không chỉ mang lại niềm vui cho sinh viên, Gamification còn giúp giảng viên nắm bắt nhanh chóng tình hình lớp học. Ngay sau khi kết thúc trò chơi, hệ thống sẽ tự động tổng hợp báo cáo về những câu hỏi nào sinh viên thường trả lời sai nhiều

nhất. Nhờ đó, giảng viên có thể đánh giá chính xác trình độ của cả lớp và điều chỉnh lại trọng tâm bài giảng ngay lập tức để lấp đầy những lỗ hổng kiến thức cho các em (Phạm Vũ Phi Hổ, 2016).

## 2.6. Vai trò của Trí tuệ nhân tạo (AI) và Công nghệ thông tin trong học tập

Trong kỷ nguyên số, Công nghệ thông tin và AI không chỉ là công cụ hỗ trợ mà đã trở thành yếu tố then chốt giúp cá nhân hóa lộ trình học tập và kết nối tri thức toàn cầu. Các lợi ích quan trọng không thể không kể đến bao gồm:

- Kho tàng kiến thức vô hạn và đa chiều: Internet vượt xa phạm vi lớp học truyền thống, cung cấp cho sinh viên những góc nhìn sáng tạo và đa dạng từ các diễn đàn học thuật quốc tế. Thay vì nhận những câu trả lời khuôn mẫu, người học được tiếp cận với nhiều luồng tư duy khác nhau, giúp mở rộng thế giới quan và nâng cao kiến thức chuyên môn.

- Trợ thủ đắc lực từ Trí tuệ nhân tạo (AI): Trong giai đoạn 2024-2026, các công cụ AI đã tạo ra bước ngoặt lớn. Sinh viên có thể sử dụng ChatGPT như một gia sư ảo để giải thích ngữ pháp chuyên sâu, hoặc ứng dụng ELSA Speak để chỉnh sửa phát âm chuẩn xác theo bảng phiên âm quốc tế IPA.

- Môi trường giao tiếp không biên giới: Thông qua các nền tảng như Skype, Viber hay Google Meet, rào cản địa lý hoàn toàn bị xóa bỏ. Sinh viên Trường Đại học Tiền Giang giờ đây có thể dễ dàng kết nối và trò chuyện trực tiếp với người bản ngữ. Việc giao tiếp trong một môi trường thực tế và sinh động như vậy không chỉ giúp các em cải thiện phản xạ mà còn tạo thêm sự hứng thú, biến việc học thành những buổi giao lưu văn hóa đầy thú vị.

- Luyện thi thông minh và tiết kiệm: Thay vì tốn kém cho các lò luyện thi đắt đỏ, sinh viên có thể tận dụng hàng loạt ứng dụng luyện thi TOEIC, IELTS... chuyên biệt. Với chi phí thấp hoặc thậm chí miễn phí, các em hoàn toàn có thể chủ động ôn tập và chuẩn bị hành trang nghề nghiệp vững chắc, phù hợp với điều kiện kinh tế cá nhân nhưng vẫn đảm bảo đạt được các chứng chỉ quốc tế cần thiết.

## 2.7. Phát triển năng lực tự chủ và tư duy trong môi trường số

Học tiếng Anh trực tuyến không chỉ đơn thuần là tiếp thu một ngôn ngữ mới, mà còn là quá trình khai phá những năng lực tiềm ẩn và rèn luyện các kỹ năng sinh tồn trong kỷ nguyên số.

*Một là*, làm chủ nguồn tin và tư duy phản biện: Giữa “biển” thông tin khổng lồ trên Internet, sinh viên Trường Đại học Tiền Giang sẽ rèn luyện được khả năng tìm kiếm, phân loại và xử lý dữ liệu một cách nhạy bén. Thay vì tiếp nhận thụ động, các em học cách phân tích và đánh giá độ chính xác của các nguồn học liệu. Kỹ năng này giúp người học nhanh chóng xác định được những nội dung cốt lõi, uy tín, từ đó tránh lãng phí thời gian vào các nguồn tin không đáng tin cậy.

*Hai là*, kỹ năng tự quản lý và lập kế hoạch: Học

trực tuyến đòi hỏi tính tự giác cao vì không có sự đốc thúc trực tiếp từ giảng viên. Qua đó, sinh viên hình thành thói quen tự lập kế hoạch học tập, biết cách xây dựng vốn từ vựng phù hợp với mục tiêu riêng và quản lý thời gian hiệu quả. Đây chính là tố chất quan trọng, tạo tiền đề cho một tư duy làm việc có định hướng và chuyên nghiệp trong sự nghiệp tương lai.

## 2.8. Thách thức và giải pháp

Việc chuyển đổi sang mô hình học trực tuyến tại một cơ sở đào tạo địa phương như Trường Đại học Tiền Giang không phải là một hành trình chỉ toàn thuận lợi. Để phương pháp này thực sự phát huy hiệu quả, cả giảng viên và sinh viên cần nhận diện rõ những thách thức đặc thù để có chiến lược ứng phó phù hợp.

*Một là*, hạ tầng mạng và sự chênh lệch địa lý. Tiền Giang là tỉnh có địa bàn trải dài từ đô thị đến các huyện vùng sâu, vùng xa và vùng cù lao sông nước. Đây là nguồn cơn của thách thức lớn nhất: sự bất ổn của đường truyền Internet.

- Vấn đề: Sinh viên tại các huyện như Tân Phú Đông, Gò Công Đông hay vùng ven Cái Bè thường gặp tình trạng mạng chập chờn, đặc biệt vào mùa mưa bão. Việc mất kết nối khi đang tham gia các buổi học trực tuyến qua Zoom hay Google Meet không chỉ gây gián đoạn kiến thức mà còn làm suy giảm động lực học tập.

- Giải pháp: Giảng viên cần linh hoạt kết hợp hình thức học tập đồng bộ và không đồng bộ. Việc ghi hình lại bài giảng và tải lên hệ thống LMS hoặc Google Drive giúp sinh viên vùng xa có thể tải về và học lại khi mạng ổn định. Về phía sinh viên, các em nên chủ động đăng ký các gói dữ liệu 4G/5G dành cho giáo dục để làm phương án dự phòng.

*Hai là*, kỹ năng quản lý thời gian và sự xao nhãng. Học trực tuyến mang lại sự tự do tối đa, nhưng đây cũng là “con dao hai lưỡi” đối với những sinh viên thiếu tính tự giác.

- Vấn đề: Khi học tại nhà, sinh viên dễ bị thu hút bởi tiếng ồn sinh hoạt, thông báo từ TikTok, Facebook hoặc các trò chơi điện tử. Thiếu đi sự giám sát trực tiếp từ giảng viên, nhiều em nảy sinh tâm lý trì hoãn, dẫn đến việc dồn ứ bài tập và hỏng kiến thức căn bản.

- Giải pháp: Sinh viên nên áp dụng các phương pháp quản trị thời gian khoa học như Pomodoro (tập trung 25 phút, nghỉ 5 phút) để duy trì sự tỉnh táo. Việc lập kế hoạch học tập cá nhân qua các ứng dụng như Google Calendar hay Notion cũng giúp các em kiểm soát tiến độ mà không cần sự đốc thúc thường xuyên.

## 3. Kết luận

Học tiếng Anh trực tuyến không còn là một xu hướng tạm thời mà đã trở thành một phương thức đào tạo phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Trên cơ sở các lý thuyết ngôn ngữ

học hiện đại như Giả thuyết Đầu vào của Krashen và Giả thuyết Đầu ra của Swain, có thể thấy môi trường trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tiếp nhận và vận dụng ngôn ngữ thông qua vòng lặp “tiếp nhận - thực hành - điều chỉnh”.

Đối với Trường Đại học Tiền Giang, việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh đã góp phần khắc phục những hạn chế của mô hình truyền thống như áp lực thời gian chuyên ngành, thiếu môi trường giao tiếp thực tế và sự chênh lệch về điều kiện địa lý. Các mô hình như lớp học đảo ngược, trò chơi hóa và sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu mà còn tăng động lực học tập, phát triển năng lực tự chủ và tư duy phản biện cho sinh viên.

Tuy nhiên, để việc học trực tuyến đạt hiệu quả bền vững, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên và sinh viên. Giảng viên cần tiếp tục đổi mới phương pháp và nâng cao năng lực công nghệ; sinh viên cần rèn luyện tính tự giác và kỹ năng quản lý thời gian. Khi hai yếu tố này được đảm bảo, học tiếng Anh trực tuyến sẽ thực sự trở thành cầu nối giúp sinh viên hội nhập quốc tế và phát triển năng lực nghề nghiệp trong kỷ nguyên số. ■

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT về Quy chế đào tạo trình độ đại học. (Văn bản thực tế quy định về học trực tuyến).*
- [2]. Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục.*
- [3]. Lê Thế Hiền (2020). *Giải pháp nâng cao động cơ học tập môn Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên Trường Đại học Tiền Giang.* Tạp chí Khoa học Đại học Tiền Giang. (Tài liệu thực tế tại trường).
- [4]. Nguyễn Ngọc Vũ (2021). *Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh.* Nxb. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Phạm Vũ Phi Hồ (2016). *Kỹ thuật dạy học tiếng Anh hiện đại.* Nxb. Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6]. Schmidt, R. (1993). *Awareness and Second Language Acquisition.* Annual Review of Applied Linguistics, 13, 206 - 226.
- [7]. Carol A. Chapelle (2003). *English language learning and technology.* Cambridge University Press.

### Online English learning: An effective teaching and learning method for the lecturers and students at Tien Giang University

Nguyen Trung Ngon

Tien Giang University

Email: nguyentrungngon@tgu.edu.vn.

**Abstract:** English is the official language of over 68 countries and is spoken as a second language by more than one billion people. In today's era of globalization, English has become a common language and is widely used in many fields such as communication, education, and employment. In Vietnam, English is taught from an early age with the goal of equipping the younger generation with the knowledge and skills necessary for international integration. However, in reality, traditional methods of learning English still have many limitations. This causes many students to feel bored and lack motivation to study. Given this situation, online English learning has become a new direction, suitable for the development of technology and modern learning needs. This learning format offers many benefits such as rich learning content, flexible learning time, reasonable costs, and helps the learners be more proactive in the knowledge acquisition process. This article presents the outstanding benefits of learning English online, thereby clarifying the role of this method in improving the effectiveness of English learning for students today.

**Keywords:** English, online English learning, information technology, international integration, Vietnamese students.